

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-01-2022

v/v Không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đức Hiếu

Ông Mai Văn Du

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thảo Vân là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:**  
Bà Trần Lê Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 244/2021/TLST - HNGĐ ngày 18/10/2021 về việc: “*Không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2021/QĐ-ST ngày 29/12/2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Mỹ L- Sinh năm 1974. Địa chỉ: K347/25 đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn T - Sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 109 đường L, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai, không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị Mỹ L trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Lê Văn T chung sống với nhau từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung với nhau thì đến năm 2011, ông bà xảy ra mâu thuẫn và trầm trọng nhất là vào năm 2017. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên đánh đập, đe dọa bà, vì con bà cố gắng nhường nhịn nhưng ông T vẫn không thay đổi. Vì vậy, bà và ông T không chung sống với nhau từ năm 2017. Do đó, bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

*Về con chung:* Bà Ngô Thị Mỹ L xác định: Trong quá trình sống chung, bà và ông T có 03 con chung là: Lê Văn N - Sinh ngày: 06/8/1997, Lê Văn Q - Sinh ngày: 12/02/2002 và Lê Thị Thúy Q1 - Sinh ngày: 02/01/2005. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thúy Q1 - Sinh ngày: 02/01/2005; không yêu cầu ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Lê Văn N và cháu Lê Văn Q đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Ngô Thị Mỹ L xác định bà và ông Lê Văn T không có.

*Đối với bị đơn ông Lê Văn T :* Mặc dù ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Mỹ L.

*\* Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị Mỹ L về việc không công nhận là vợ chồng đối với ông Lê Văn T .

Về con chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận giao cháu Lê Thị Thúy Q1 - Sinh ngày: 02/01/2005 cho bà Ngô Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định bà và ông T không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bà L phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiện đối với ông T để yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ

chồng. Do đó, căn cứ vào khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Không công nhận là vợ chồng*”.

[1.2] Bị đơn ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu của bà L, HĐXX nhận thấy: Theo xác minh ở nơi cư trú của ông T và bà L thể hiện ông Lê Văn T và bà Ngô Thị Mỹ L có chung sống với nhau tại Tổ 46 phường Đ, quận C, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống với nhau thì ông T và bà L có xảy ra mâu thuẫn. Ông T và bà L hiện chưa đăng ký kết hôn tại địa phương. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà L chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông T và bà L có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận ông Lê Văn T và bà Ngô Thị Mỹ L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà L xác định bà và ông T có 03 con chung là: Lê Văn N - Sinh ngày: 06/8/1997, Lê Văn Q - Sinh ngày: 12/02/2002 và Lê Thị Thúy Q1 - Sinh ngày: 02/01/2005. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thúy Q1 - Sinh ngày: 02/01/2005. HĐXX nhận thấy: Tại Bản tự khai của cháu Quyên thể hiện cháu có nguyện vọng sống với mẹ, đồng thời, bản thân cháu là con gái. Vì vậy, HĐXX xét thấy việc giao cháu Quyên cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý và đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt cũng như để ổn định cuộc sống của cháu Quyên. Do đó, căn cứ Điều 15, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà L về việc giao con chung Lê Thị Thúy Q1 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà L và ông T đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Lê Văn N và Lê Văn Q đã đủ 18 tuổi nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, bà L xác định bà và ông T không có nên HĐXX không xem xét.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện

Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Ngô Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 8, 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Mỹ L đối với ông Lê Văn T về việc không công nhận là vợ chồng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Văn T và bà Ngô Thị Mỹ L là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao con chung Lê Thị Thúy Q1 - Sinh ngày: 02/01/2005 cho bà Ngô Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Thị Mỹ L xác định bà và ông T không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001525 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Ngô Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,*

*7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký tên và đóng dấu**

**Ngô Thị Thanh Tuyền**